

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2024

BẢN GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH KQKD QUÝ 1 NĂM 2024

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An

Địa chỉ: Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Mã chứng khoán: HAH

Giấy chứng nhận đăng ký doanh số 0103818809 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/05/2009 và cấp thay đổi lần thứ 16 ngày 25/8/2023.

Chúng tôi xin giải trình kết quả kinh doanh Quý 1 năm 2024 biến động tăng/giảm hơn 10% so với cùng kỳ năm 2023 như sau:

Nội dung	Đơn vị tính	Quý 1.2024	Quý 1.2023	Chênh lệch
BCTC hợp nhất				
- Doanh thu thuần	đồng	704,101,114,408	655,141,507,370	7.47%
- Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	đồng	59,241,900,591	119,018,870,234	-50.22%
BCTC công ty mẹ				
- Doanh thu thuần	đồng	278,000,435,949	295,104,773,691	-5.80%
- Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	đồng	72,399,744,786	104,639,083,200	-30.81%

Nguyên nhân dẫn đến KQKD quý 1 năm nay giảm 50.22% (BC hợp nhất) và giảm 30.81% (BC công ty mẹ) so với quý 1 năm trước chủ yếu do hoạt động vận tải giảm:

+ Sản lượng vận tải có tăng do mở thêm tuyến vận tải nhưng giá cước biển giảm, giá cho thuê tàu giảm so với cùng kỳ năm trước dẫn tới lợi nhuận hoạt động khai thác tàu giảm mạnh.

+ Hoạt động kinh doanh của các công ty con, công ty liên kết cũng bị ảnh hưởng, làm giảm lợi nhuận.

Chúng tôi cam đoan những thông tin giải trình trong bản này là chính xác và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Tuấn

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2024



Tổng Giám đốc

Nguyễn Ngọc Tuấn

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hảo

Hà Nội, tháng 04 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,629,570,101,727	1,236,175,555,108
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	575,184,405,755	131,305,891,161
1. Tiền	111		570,184,405,755	49,155,891,161
2. Các khoản tương đương tiền	112		5,000,000,000	82,150,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		27,500,000,000	36,500,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	27,500,000,000	36,500,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		885,089,187,380	914,185,936,475
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	220,308,290,159	154,623,576,319
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	435,410,906,432	435,674,604,499
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	58,600,000,000	58,600,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	170,934,824,401	265,452,589,269
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(164,833,612)	(164,833,612)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		25,124,078,977	29,016,455,017
1. Hàng tồn kho	141	V.7	25,124,078,977	29,016,455,017
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		116,672,429,615	125,167,272,455
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	9,850,860,935	9,175,487,543
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		106,821,568,680	115,991,784,912
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3,048,968,980,100	2,970,356,124,497
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		187,157,700,000	187,157,700,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	36,314,550,000	36,314,550,000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	150,843,150,000	150,843,150,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2,373,759,436,728	2,440,919,589,423
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	2,371,064,688,983	2,438,789,936,808
<i>Nguyên giá</i>	222		3,296,265,563,777	3,317,893,545,706
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(925,200,874,794)	(879,103,608,898)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	2,694,747,745	2,129,652,615
<i>Nguyên giá</i>	228		7,196,325,236	6,541,325,236
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4,501,577,491)	(4,411,672,621)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		39,632,078,690	11,988,744,472
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	39,632,078,690	11,988,744,472
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		395,720,568,845	269,671,693,766
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	418,562,476,376	294,138,800,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	1,494,000,000	1,494,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	866,500	866,500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(24,336,774,031)	(25,961,972,734)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		52,699,195,837	60,618,396,836
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	52,699,195,837	60,618,396,836
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4,678,539,081,827	4,206,531,679,605

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2,311,577,458,432	1,911,969,800,996
I. Nợ ngắn hạn	310		589,050,248,436	629,310,598,700
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	54,317,117,278	37,384,675,662
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	13,338,794,205	81,509,870,607
4. Phải trả người lao động	314		3,731,546,081	7,235,554,326
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	20,221,437,550	5,666,241,315
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	1,033,620,000	3,061,635,000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	183,715,947,609	170,236,614,439
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	233,013,429,126	238,960,019,104
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	79,678,356,587	85,255,988,247
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1,722,527,209,996	1,282,659,202,296
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	625,218,000,000	625,218,000,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	607,346,725,148	657,441,202,296
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	V.18	489,962,484,848	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2,366,961,623,395	2,294,561,878,609
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	2,366,961,623,395	2,294,561,878,609
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1,055,168,810,000	1,055,168,810,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1,055,168,810,000	1,055,168,810,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		191,640,648,159	191,640,648,159
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		554,816,070,809	554,816,070,809
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		565,336,094,427	492,936,349,641
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		492,936,349,641	73,340,661,117
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		72,399,744,786	419,595,688,524
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4,678,539,081,827	4,206,531,679,605

Người lập biểu

Vũ Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hảo

Lập, ngày 26 tháng 04 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I năm nay	Quý I năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	278,000,435,949	295,104,773,691
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		278,000,435,949	295,104,773,691
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	184,235,118,611	152,787,007,472
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		93,765,317,338	142,317,766,219
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5,861,950,954	2,074,745,521
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	7,534,506,921	13,044,263,513
Trong đó: chi phí lãi vay	23		9,703,311,235	10,731,295,113
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	9,166,053,121	6,241,929,635
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		82,926,708,250	125,106,318,592
11. Thu nhập khác	31	VI.6	2,931,384,533	1,348,674,890
12. Chi phí khác	32	VI.7	2	4,597,712
13. Lợi nhuận khác	40		2,931,384,531	1,344,077,178
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		85,858,092,781	126,450,395,770
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	13,458,347,995	21,811,312,570
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>72,399,744,786</u>	<u>104,639,083,200</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Người lập biểu

Vũ Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hảo

Lập, ngày 26 tháng 04 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		85,858,092,781	126,450,395,770
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VI.9	48,070,089,608	38,955,949,478
- Các khoản dự phòng	03	V.2b	(1,625,198,703)	1,280,301,620
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	(451,271,376)	673,892,160
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(7,337,053,991)	(1,095,761,605)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	9,703,311,235	10,731,295,113
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		134,217,969,554	176,996,072,536
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(70,874,310,073)	68,980,205,388
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3,892,376,040	(611,844,694)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		35,113,513,334	(135,733,279)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		7,243,827,607	(25,534,257,270)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(10,801,758,074)	(15,933,450,719)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(80,417,326,029)	(111,669,092,891)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(5,577,631,660)	(4,852,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12,796,660,699	87,239,899,071
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(23,308,106,393)	(81,233,211,528)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		2,930,376,756	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(26,000,000,000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		35,000,000,000	40,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2b	-	(23,516,100,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8,132,771,816	(9,158,920,531)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3,244,957,821)	(73,908,232,059)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17,18	524,846,358,059	63,710,948,358
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17,18	(90,924,940,337)	(69,801,134,646)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(585,200,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		433,921,417,722	(6,675,386,288)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		443,473,120,600	6,656,280,724
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	131,305,891,161	129,438,097,542
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		405,393,994	(648,856,181)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	575,184,405,755	135,445,522,085

Người lập biểu

Vũ Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hảo

Lập, ngày 26 tháng 04 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cho thuê bãi, bốc xếp hàng hóa cảng biển, vận tải biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Kết quả kinh doanh kỳ này giảm so với kỳ trước chủ yếu từ hoạt động khai thác tàu: doanh thu khai thác tàu giảm do giá cước vận tải đường biển và giá cho thuê tàu giảm mạnh.

6. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Cảng Hải An	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Cung cấp dịch vụ cảng biển	100%	100%	100%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải	50,5%	50,5%	50,5%
Công ty TNHH Pan Hải An	Tầng 6, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ khai thác Depot	51%	51%	51%
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An	Tầng 02, Tòa nhà Đình Vũ Plaza thuộc Khu dịch vụ cuối tuyến Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	51%	51%	51%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyên Cái Mép	Tổ 13, Khu phố Thị vải, Phường Mỹ Xuân, Thị Xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	Cung cấp dịch vụ cảng biển	51,54%	51,54%	51,54%

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào 01 Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An có trụ sở chính tại Văn phòng 3B, tầng 3, tòa B, tòa nhà Green Pearl, số 378 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là vận tải hàng hóa. Tại thời điểm cuối kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 36,16%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	Số 217 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tại Bà Rịa – Vũng Tàu	Khu A, lô 17 khu nhà ở Phú Mỹ, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 79 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 77 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng đối với nhiên liệu xuất dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu, chi phí bảo hiểm. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm trả trước là tiền phí bảo hiểm đã trả cho các kỳ sau. Chi phí bảo hiểm trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-20
Máy móc, thiết bị	03-10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06-15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05
Tài sản cố định hữu hình khác	04-10

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 đến 5 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ,

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1,225,885,749	326,671,913
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	568,958,520,006	48,829,219,248
Các khoản tương đương tiền	5,000,000,000	82,150,000,000
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	5,000,000,000	82,150,000,000
Cộng	575,184,405,755	131,305,891,161

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngắn hạn)

Là tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ Giá gốc	Dự phòng	Số đầu năm Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	418,562,476,376	(24,336,774,031)	294,138,800,000	(25,961,972,734)
Công ty TNHH Cảng Hải An	30,000,000,000		30,000,000,000	
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	101,000,000,000		101,000,000,000	
Công ty TNHH Pan Hải An	139,622,700,000	(820,674,031)	139,622,700,000	(2,445,872,734)
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An	23,516,100,000	(23,516,100,000)	23,516,100,000	(23,516,100,000)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyên Cái Mép	124,423,676,376			
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	1,494,000,000	-	1,494,000,000	-
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	1,494,000,000		1,494,000,000	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	866,500	-	866,500	-
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	864,000		864,000	
Công ty Cổ phần MHC	2,500		2,500	
Cộng	420,057,342,876	(24,336,774,031)	295,633,666,500	(25,961,972,734)

Số lượng cổ phần nắm giữ và tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các đơn vị như sau:

Tên Công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Cảng Hải An		100,00%		100,00%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An		50,50%		50,50%
Công ty TNHH Pan Hải An		51,00%		51,00%
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An		51,00%	-	51,00%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyên Cái Mép		51,54%		
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	1.195.200	36,16%	1.195.200	36,16%

Tình hình hoạt động của công ty con, công ty liên kết

Các công ty con và công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An mới thành lập ngày 02/02/2023, hoạt động chính trong năm là vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, hoạt động bị lỗ do sản lượng khai thác hàng hóa trên tuyến Port Kelang - Hải Phòng thấp, không đủ bù đắp chi phí.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Quý 1 năm nay</u>	<u>Quý 1 năm trước</u>
Số đầu năm	-25,961,972,734	-14,186,716,229
Trích lập dự phòng bổ sung		-4,845,544,568
Hoàn nhập dự phòng	1,625,198,703	3,565,242,948
Số cuối kỳ	<u>(24,336,774,031)</u>	<u>(15,467,017,849)</u>

Giao dịch với công ty con, công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	<u>Quý I Năm trước</u>
	<u>Quý I năm nay</u>	<u>Quý I Năm trước</u>
Công ty TNHH Cảng Hải An		
Thuê văn phòng của công ty mẹ	596,805,010	601,841,906
Sử dụng dịch vụ quản lý Cảng của Công ty con	13,496,000,000	9,743,097,456
Sử dụng dịch vụ cấp nước ngọt của Công ty con	69,600,000	62,400,000
Sử dụng dịch vụ quản lý tòa nhà của Công ty con	246,000,000	246,000,000
Doanh thu khai thác Cảng Công ty con thu hộ	71,273,932,217	49,113,666,725
Công ty con chia lợi nhuận	3,273,905,419	638,394,482
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An		
Cho Công ty con thuê văn phòng		
Cho Công ty con thuê tàu		
Bán dầu cho Công ty con		
Cung cấp dịch vụ khác cho Công ty con	111,494,552,545	122,534,048,815
Bán tài sản cố định, công cụ, dụng cụ cho Công ty con	8,000,000,000	
HACT cung cấp dịch vụ cho Công ty mẹ	14,593,516,446	28,201,964,621
Mua dầu của Công ty con		
Công ty con chia lợi nhuận		
Nhận vốn góp theo hợp đồng BCC từ Công ty con		
Chia lợi nhuận BCC cho Công ty con	5,114,569,978	21,752,689,449
Nhận lợi nhuận BCC từ Công ty con	1,526,088,319	4,968,370,207
Công ty TNHH Pan Hải An		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty con	338,585,000	622,570,000
Sử dụng dịch vụ của Công ty con	239,299,098	1,283,676,020
Thuê xe nâng của Công ty con		
Cho Công ty con vay		
Thu gốc cho vay từ Công ty con		20,000,000,000
Lãi cho Công ty con vay	156,520,000	316,000,000
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An		
HATS góp vốn		23,516,100,000
HATS cung cấp dịch vụ	15,324,755,255	15,879,464,534
HATS chi hộ		1,932,174,872
Lãi cho Công ty con vay	642,565,789	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

HATS sử dụng dịch vụ của công ty con <i>Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An (HAAL)</i>	4,033,008,684	
HATS cung cấp dịch vụ cho HAAL	1,470,326,072	1,508,411,159
Nhận góp vốn theo hợp đồng BCC <i>Công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An (HAGS)</i>		
HATS cung cấp dịch vụ cho HAGS	43,602,833	43,781,792
Sử dụng dịch vụ của HAGS	1,482,859,909	908,280,365
<i>Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An (HAFC)</i>		
HATS cung cấp dịch vụ cho HAFC	80,090,205	70,846,635

2c. Kế hoạch nhận chuyển nhượng công ty con

Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 0312-2023/BB-HĐQT ngày 06/12/2023, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua việc nhận chuyển nhượng 4.638.600 cổ phần, tương đương 51,54% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Lưu Nguyên Cái Mép từ ông Lê Phong Hiếu và bà Đỗ Thị Hải Yến với giá chuyển nhượng là 124.423.676.376 VND. Đến thời điểm hiện tại (31/03/2024), Công ty đã hoàn thiện thủ tục nhận chuyển nhượng.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	207,462,795,529	143,933,348,226
Công ty TNHH Cảng Hải An	55,391,678,800	48,868,710,999
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	131,079,792,844	60,336,029,112
Công ty TNHH Pan Hải An	1,139,918,318	876,169,544
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An	18,019,308,302	31,422,556,613
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	87,261,057	49,758,007
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	1,049,084,512	1,686,932,596
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức	93,150,660	15,531,600
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức tại Hải Phòng	602,601,036	677,659,755
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	12,845,494,630	10,690,228,093
Các khách hàng khác	12,845,494,630	10,690,228,093
Cộng	220,308,290,159	154,623,576,319

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	435,410,906,432	435,674,604,499
Huanghai Shipbuilding Co., Ltd.	434,925,760,600	434,925,760,600
Công ty TNHH dịch vụ kỹ thuật Minh Hải	113,400,000	
Công ty TNHH Dịch Vụ Giao nhận vận tải Quang Hưng	86,744,100	
Các nhà cung cấp khác	285,001,732	748,843,899
Cộng	435,410,906,432	435,674,604,499

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Phải thu về cho vay

5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	8,600,000,000	8,600,000,000
Cho Công ty TNHH Pan Hải An-Bên liên quan	8,600,000,000	8,600,000,000
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	50,000,000,000	50,000,000,000
Cho Ông Lê Phong Hiếu	50,000,000,000	50,000,000,000
Cộng	58,600,000,000	58,600,000,000

(i) Cho vay Công ty TNHH Pan Hải An (công ty con) theo Hợp đồng vay chuyển đổi số 01/HĐVV/HATS-PHA ngày 19/11/2019 với lãi suất 5%/năm, thời hạn vay 5 năm và thời gian ân hạn là 02 năm kể từ ngày liền sau ngày giải ngân lần đầu của khoản vay (ngày 19 tháng 11 năm 2019). Số dư nợ gốc có thể hoàn trả một lần hoặc nhiều lần kể từ sau khi hết thời gian ân hạn. Theo Phụ lục số 03 ngày 01/01/2022, lãi suất cho vay cố định được điều chỉnh lên 7,8%/năm bắt đầu từ ngày 01/01/2022.

(ii) Cho vay Ông Lê Phong Hiếu để nộp tiền thuê đất 1 lần cho Dự án "Bãi container và dịch vụ cảng" tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu mà hiện nay hai bên đang hợp tác. Thời hạn vay 6 tháng, nợ gốc và lãi được trả 1 lần vào ngày đến hạn. Khoản vay đầu tiên phát sinh từ ngày 12 tháng 5 năm 2020. Khoản vay được thế chấp bằng quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận số CC481398. Theo cam kết trả nợ mới nhất ngày 01/12/2023, khoản cho vay được sẽ được hoàn trả muộn nhất trước ngày 30/06/2024, đồng thời số tiền lãi của gốc vay được gia hạn tính theo lãi suất thỏa thuận, không tính lãi phạt và tiền lãi phát sinh trên số tiền lãi lũy kế đến kỳ hạn.

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	36,314,550,000	36,314,550,000
Cho Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An	36,314,550,000	36,314,550,000
Cộng	36,314,550,000	36,314,550,000

Cho vay Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An (công ty con) theo Hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV/HATS-ZHA ký ngày 02/10/2023 với lãi suất 7%/năm, thời hạn vay 2 năm. Theo Phụ lục số 01 ngày 02/10/2023, số dư nợ gốc hoàn trả vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/01/2025.

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự</u>	<u>Giá trị</u>	<u>phòng</u>
		<u>phòng</u>		<u>phòng</u>
Phải thu các bên liên quan	73,713,393,115	-	61,739,498,158	-
Công ty TNHH Cảng Hải An - Lợi nhuận được chia	3,371,609,772	-	7,097,704,353	-
Phải thu về kết quả hoạt động BCC	70,143,149,034	-	54,502,040,774	-
Công ty Cổ phần Vận tải Container Hải An	4,659,022,252	-	3,132,933,933	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<i>Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên</i>	65,484,126,782	-	51,369,106,841	-
Các khoản chi hộ Ban lãnh đạo	198,634,309	-	139,753,031	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	97,221,431,286	-	203,713,091,111	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C - Lợi nhuận hợp tác kinh doanh		-		-
Ông Nguyễn Thế Tùng - Tạm ứng	4,000,000,000	-	4,000,000,000	-
Tạm ứng	1,047,071,000	-	121,500,000	-
Đặt cọc để chuyển nhượng dự án (i)		-	124,423,676,376	-
Ký cược, ký quỹ	212,257,500	-	141,470,000	-
Tạm tính doanh thu	14,428,381,287	-		-
Các khoản chi hộ		-		-
Chi phí tổn thất sự cố tàu Hai An City chờ bồi thường (ii)	73,925,261,495	-	73,925,261,495	-
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An - Chi hộ		-		-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3,608,460,004	-	1,101,183,240	-
Cộng	170,934,824,401		265,452,589,269	

(i) Là khoản đặt cọc cho các cá nhân theo Hợp đồng đặt cọc ngày 06/12/2017 và Phụ lục hợp đồng ngày 07/5/2018 để tiến tới ký kết hợp đồng nhận chuyển nhượng 90% quyền đầu tư Dự án “Bãi container và dịch vụ cảng” tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Dự án “Bãi container và dịch vụ cảng” đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho phép chuyển hình thức từ thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê còn lại với diện tích 310.507,9 m² theo Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 14/4/2019 và cấp Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BN 981472 ngày 29/5/2020. Theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/HĐCNCP ký ngày 31/03/2024 giữa Ông Lê Phong Hiếu và Công ty Cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An, khoản đặt cọc này đã được chuyển thành cổ phần tại Công ty Cổ phần Dịch vụ cảng Lưu Nguyên Cái Mép.

(ii) Chi tiết chi phí khắc phục sự cố, sửa chữa tàu Hai An City như sau:

	Số tiền
Chi phí Công ty đã chi trả	199.933.564.212
Bảo hiểm tạm ứng tiền bồi thường	(76.008.302.717)
Ước tính chi phí tổn thất không được bồi thường (25%/tổng chi phí)	(50.000.000.000)
Số còn lại chờ bồi thường	73.925.261.495

Theo Công văn số 817/PVIBH-GQKN ngày 27/6/2023 của Tổng Công ty Bảo hiểm PVI về việc thông báo giải quyết khiếu nại vụ tổn thất hư hỏng sự cố tàu Hai An City va chạm với tàu Orion Express tại cảng Chitagong-Bangladesh, Thư chấp nhận bồi thường và chuyển quyền khiếu nại ngày 28/6/2023, Công ty sẽ nhận khoản tiền tạm ứng bồi thường lần 2 là 2.529.005,30 USD và chuyển quyền khiếu nại hoặc quyền khởi kiện bên thứ 3 để yêu cầu bồi hoàn số tiền bồi thường từ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bảo hiểm PVI trên danh nghĩa của Bảo hiểm PVI và với chi phí do Bảo hiểm PVI chịu. Ngày 19/7/2023, Công ty đã nhận được số tiền 2.529.005,30 USD, tương đương 59.897.535.163 VND.

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	150,769,150,000		150,769,150,000	
Công ty Cổ phần Vận tải Container Hải An	70,000,000,000	-	70,000,000,000	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	80,769,150,000	-	80,769,150,000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	74,000,000		74,000,000	
Ký cược, ký quỹ	74,000,000	-	74,000,000	-
Cộng	150,843,150,000		150,843,150,000	

Phải thu các bên kiểm soát về tiền vốn hợp tác kinh doanh để khai thác tàu. Theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh, các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu có hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Số tiền góp vốn và tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các Hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

- (i) Hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Vận tải Container Hải An. Thời hạn hợp tác của hợp đồng ký mới từ năm 2021 là đến khi các bên hoàn thành hết nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng, hợp đồng ký trước năm 2021 là 5 năm kể từ ngày các bên ký hợp đồng:

	Số tiền	Tỷ lệ vốn góp (%)
Hợp đồng 48-HĐHTKD (ngày 18/4/2017) và Phụ lục số 01 (ngày 05/04/2022)	45.000.000.000	56,25%
Hợp đồng 0101-2021/BCC-HACT (ngày 11/01/2021)	25.000.000.000	25,00%
Cộng	70.000.000.000	

- (ii) Hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0122/HĐHTKD ngày 24/01/2022. Số tiền góp vốn của Công ty trong Hợp đồng hợp tác kinh doanh là 80.769.150.000 VND (tỷ lệ góp vốn là 31,5%). Thời hạn hợp tác đến khi các bên hoàn thành hết nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng.

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	24,537,730,057	-	28,357,848,857	-
Công cụ, dụng cụ	586,348,920	-	658,606,160	-
Cộng	25,124,078,977		29,016,455,017	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ		
Chi phí bảo hiểm	4,055,197,208	3,345,066,749
Chi phí dầu nhờn	5,624,607,649	5,194,761,663
Phí sử dụng đường bộ		84,122,500
Chi phí thuê văn phòng		64,000,000
Chi phí sửa chữa tài sản		218,223,850
Các chi phí khác	171,056,078	269,312,781
Cộng	9,850,860,935	9,175,487,543

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	8,298,512,922	73,665,000
Chi phí sửa chữa tài sản	347,719,199	10,297,031,352
Phí sửa chữa lên đà tàu	43,932,277,846	50,247,700,484
Các chi phí khác	120,685,870	
Cộng	52,699,195,837	60,618,396,836

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	300,572,380,990	323,906,940,254	2,669,191,489,562	3,301,364,546	20,921,370,354	3,317,893,545,706
Mua trong năm			1,429,929,125			1,429,929,125
Đầu tư XD/CB hoàn thành						
Thanh lý, nhượng bán			(2,214,040,700)		(20,843,870,354)	-23,057,911,054
Giảm khác (ghi cụ thể)						
Số cuối kỳ	<u>300,572,380,990</u>	<u>323,906,940,254</u>	<u>2,668,407,377,987</u>	<u>3,301,364,546</u>	<u>77,500,000</u>	<u>3,296,265,563,777</u>
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	161,514,479,363	284,425,065,896	417,489,080,275	1,006,774,089	14,668,209,275	879,103,608,898
Khấu hao trong kỳ	4,279,189,539	4,078,073,610	54,161,701,467	210,452,193	5,603,191	62,735,020,000
Thanh lý, nhượng bán			(2,041,441,638)		(14,596,312,466)	(16,637,754,104)
Số cuối kỳ	<u>165,793,668,902</u>	<u>288,503,139,506</u>	<u>469,609,340,104</u>	<u>1,217,226,282</u>	<u>77,500,000</u>	<u>925,200,874,794</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	139,057,901,627	39,481,874,358	2,251,702,409,287	2,294,590,457	6,253,161,079	2,438,789,936,808
Số cuối kỳ	<u>134,778,712,088</u>	<u>35,403,800,748</u>	<u>2,198,798,037,883</u>	<u>2,084,138,264</u>	-	<u>2,371,064,688,983</u>

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 2.253.040.909.900 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	4,945,015,236	1,596,310,000	6,541,325,236
Mua trong kỳ		655,000,000	655,000,000
Tạo ra từ nội bộ Công ty			
Tặng khác (ghi cụ thể)			
Thanh lý, nhượng bán			
Giảm khác (ghi cụ thể)			
Số cuối kỳ	4,945,015,236	2,251,310,000	7,196,325,236
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		1,596,310,000	1,596,310,000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2,815,362,621	1,596,310,000	4,411,672,621
Khấu hao trong kỳ	35,321,538	54,583,332	89,904,870
Số cuối kỳ	2,850,684,159	1,650,893,332	4,501,577,491
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2,129,652,615		2,129,652,615
Số cuối kỳ	2,094,331,077	600,416,668	2,694,747,745

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trả trước	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	11,315,650,857	10,923,820,830	(2,084,929,125)	-	20,154,542,562
Tàu HCY-266		7,902,838,871			7,902,838,871
Tàu HCY-268		1,591,052,834			1,591,052,834
Các hạng mục khác	11,315,650,857	1,429,929,125	(2,084,929,125)		10,660,650,857
Xây dựng cơ bản dở dang	90,454,545				90,454,545
Sửa chữa lớn tài sản cố định	582,639,070	18,824,998,909	(20,556,396)		19,387,081,583
Cộng	11,988,744,472	29,748,819,739	(2,105,485,521)	-	39,632,078,690

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	5,550,669,818	1,075,188,754
Công ty TNHH Cảng Hải An		
Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An	4,436,309,552	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	1,062,946,787	1,024,004,638
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	51,413,479	51,184,116
Phải trả các nhà cung cấp khác	48,766,447,460	36,309,486,908
Ben Line Agencies Singapore Pte., Ltd	-	-
Công ty TNHH Thương mại Tân Hồng	3,532,221,745	3,532,221,745
Baseblue (Asia) Limited		11,874,576,648
Cosco Shipyard Group Co., LTD	14,058,110,000	
Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Vosco	6,540,678,718	
Công ty cổ phần Việt Đức	1,639,373,703	3,836,237,631
Các nhà cung cấp khác	22,996,063,294	17,066,450,884
Cộng	54,317,117,278	37,384,675,662

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
		Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	87,709,664	108,766,650	(87,709,664)	108,766,650	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	80,417,326,029	11,700,853,318	(80,417,326,029)	11,700,853,318	
Thuế thu nhập cá nhân	1,004,834,914	2,103,870,159	(1,579,530,836)	1,529,174,237	
Tiền thuê đất					
Thuế bảo vệ môi trường					
Thuế môn bài					
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác					
Cộng	81,509,870,607	13,913,490,127	(82,084,566,529)	13,338,794,205	

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài, cước biển, cước tàu chạy nước ngoài	0%
- Cung cấp nước ngọt	5%
- Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác	8-10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Hoạt động khai thác cảng của Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2011) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3 và điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thời hạn ưu đãi: Miễn thuế TNDN 04 năm kể từ năm 2011, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2015 đến năm 2023).

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Quý 1 năm nay	Quý 1 năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	85,858,092,781	126,450,395,770
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	25,216,816	15,097,712
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	85,883,309,597	126,465,493,482
Thu nhập được miễn thuế	(3,273,905,419)	(638,394,482)
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	82,609,404,178	125,827,099,000
Trong đó:		
Hoạt động khai thác tàu	40,837,410,227	94,711,806,539
Hoạt động khai thác cảng được hưởng ưu đãi	30,635,328,380	22,360,714,885
Hoạt động khai thác cảng không được hưởng ưu đãi	11,136,665,571	8,754,577,576
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	16,521,880,833	25,165,419,800
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(3,063,532,838)	(2,236,071,489)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	(1,118,035,741)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	13,458,347,995	21,811,312,570
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước		
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	13,458,347,995	21,811,312,570
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hộ các bên hợp tác kinh doanh	2,152,782,389	11,519,266,276
Thuế thu nhập doanh nghiệp bên kiểm soát hợp tác kinh doanh nộp hộ	(3,910,277,066)	(4,218,206,477)
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	11,700,853,318	29,112,372,369

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

Vị trí đất	Diện tích thuê	Mức tiền thuê
- Thửa đất số 4 (Dốc đê – phà Đình Vũ) thuộc quyền sử dụng của CTCP MHC	35.523,8 m ²	19.489 VND
- Thửa đất số 4 (Dốc đê – phà Đình Vũ) thuộc quyền sử dụng của CTCP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải (lô 1)	56.305 m ²	19.276 VND
- Thửa đất số 4 (Dốc đê – phà Đình Vũ) thuộc quyền sử dụng của CTCP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải (lô 2)	48.700 m ²	19.208 VND
- Thửa đất số 4 (Dốc đê – phà Đình Vũ) thuộc quyền sử dụng	10.529 m ²	12.630 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

của CTCP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải (lô 3)		
- Thửa đất số 4 (Dốc đê – phà Đình Vũ) thuộc quyền sử dụng của CTCP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải (lô 3.1)	3.095 m ²	14.355 VND

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>20,221,437,550</i>	<i>5,666,241,315</i>
Chi phí lãi vay phải trả	8,833,640,168	5,096,021,433
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	11,387,797,382	570,219,882
Cộng	20,221,437,550	5,666,241,315

15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là doanh thu nhận trước tiền cho thuê tàu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Phải trả khác

16a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	157,252,695,516	148,911,565,971
Lãi Hợp đồng hợp tác kinh doanh	156,982,695,516	148,371,565,971
Công ty Cổ phần Vận tải Container Hải An	73,204,593,799.00	68,090,023,821
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	11,837,797,289.00	11,492,203,539
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	6,377,377,450.00	5,932,312,746
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	36,096,723,322.00	34,598,762,976
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	26,438,871,410.00	25,958,959,237
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	207,936,244.00	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C	2,819,396,002.00	2,299,303,652
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	270,000,000	540,000,000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	26,463,252,093	21,325,048,468
Kinh phí công đoàn	128,069,625	216,079,755
Các khoản thu hộ SM Line Corporation	25,131,195,750	20,948,484,834
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	76,845,600	76,845,600
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1,127,141,118	83,638,279
Cộng	183,715,947,609	170,236,614,439

16b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản tiền nhận vốn góp theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh (Hợp đồng BCC) số 66/HĐHTKD ngày 08/05/2019, số 68/HĐHTKD ngày 29/06/2020, số 02-2021/HKHTKD ngày 02/02/2021, số 03-2021/HĐHTKD ngày 25/11/2021, số 02-2022/HĐHTKD ngày 15/09/2022 và số 01-2023/HĐHTKD ngày 23/10/2023, trong đó, Công ty là “Bên kiểm soát”. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu có hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Thời hạn hợp tác của hợp đồng ký mới từ năm 2021 là đến khi các bên hoàn thành hết nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng, hợp đồng ký trước năm 2021 là 5 năm kể từ ngày các bên ký hợp đồng.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan - Vốn góp hợp tác kinh doanh BCC	625,218,000,000	625,218,000,000
Công ty Cổ phần Vận tải Container Hải An	334,513,500,000	334,513,500,000
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	28,325,260,000	28,325,260,000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	58,079,240,000	58,079,240,000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	62,100,000,000	62,100,000,000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	72,200,000,000	72,200,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	20,000,000,000	20,000,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C	50,000,000,000	50,000,000,000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C	-	-
Cộng	<u>625,218,000,000</u>	<u>625,218,000,000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số vốn góp theo các hợp đồng như sau:

Đơn vị tính: Triệu VND

	Hợp đồng BCC số 66-2019 (tàu Hải An Mind)	Hợp đồng BCC số 68-2020 (tàu Hải An View)	Hợp đồng BCC số 02-2021 (tàu Hải An West)	Hợp đồng BCC số 03-2021 (tàu Hải An City)	Hợp đồng BCC số 02-2022 (tàu Hải An Rose)	Hợp đồng BCC số 01-2023 (tàu Hải An Alfa)	Tổng cộng						
	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền						
Công ty góp	40.000	53,33%	30.000	30,00%	66.000	60,00%	127.000	52,48%	236.000	51,75%	186.298	56,88%	685.298
Các bên khác góp	35.000	46,66%	70.000	70,00%	44.000	40,00%	115.000	47,51%	220.000	48,25%	141.218	43,12%	625.218
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	10.000	13,33%	30.000	30,00%	33.000	30,00%	20.000	8,26%	135.600	29,74%	105.914	32,34%	334.514
Công ty Cổ phần Giao nhân Vận tải Hải An	5.000	6,67%	5.000	5,00%	-	-	-	-	8.440	1,85%	9.885	3,02%	28.325
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	-	-	10.000	10,00%	-	-	10.000	4,13%	12.660	2,78%	25.419	7,76%	58.079
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000	13,33%	10.000	10,00%	11.000	10,00%	10.000	4,13%	21.100	4,63%	-	-	62.100
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức	10.000	13,33%	15.000	15,00%	-	-	5.000	2,07%	42.200	9,25%	-	-	72.200
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên	-	-	-	-	-	-	20.000	8,26%	-	-	-	-	20.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C	-	-	-	-	-	-	50.000	20,66%	-	-	-	-	50.000
Cộng	75.000	100%	100.000	100%	110.000	100%	242.000	100%	456.000	100%	327.516	100%	1.310.516

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Vay

17a. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ Giá trị	Số đầu năm Giá trị
Vay ngắn hạn ngân hàng	43,222,550,876	59,741,828,002
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	-	
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội	43,222,550,876	59,741,828,002
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.33b)	189,790,878,250	179,218,191,102
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	179,727,718,250	169,155,031,102
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	10,063,160,000	10,063,160,000
Cộng	233,013,429,126	238,960,019,104

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội theo thỏa thuận chung về tiện ích ngày 20 tháng 04 năm 2022 để tài trợ nhu cầu vốn lưu động, bao gồm nhưng không giới hạn dịch vụ thương mại, bao gồm chi phí thuê xe nâng và xe đầu kéo để khai thác cảng/kho, mua vật tư và thiết bị cho tàu và cảng, chi phí thuê công nhân bên ngoài với thời hạn tối đa là 04 tháng. Lãi suất cụ thể áp dụng với mỗi khoản vay sẽ được xác nhận dưới hình thức thông báo về khoản vay do Ngân hàng phát hành cho Công ty ngay sau khi giải ngân khoản vay hoặc sau mỗi lần xem xét lại lãi suất. Thời hạn duy trì hạn mức tiện ích theo thỏa thuận này là 12 tháng kể từ ngày của thỏa thuận và sẽ được tự động gia hạn nhiều lần và mỗi lần gia hạn với thời hạn 12 tháng trừ khi có thông báo khác đi từ Ngân hàng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn bên liên quan				-	
<i>Công ty Cổ Phần Vận tải biển An Biên</i>					
Vay ngắn hạn ngân hàng	59,741,828,002	24,500,236,847		(41,019,513,973)	43,222,550,876
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng</i>					
<i>Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội</i>	59,741,828,002	24,500,236,847		(41,019,513,973)	43,222,550,876
Vay ngắn hạn các tổ chức khác					
Vay ngắn hạn các cá nhân					
Vay dài hạn đến hạn trả	179,218,191,102		50,094,477,148	(39,521,790,000)	189,790,878,250
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng</i>	169,155,031,102		50,094,477,148	(39,521,790,000)	179,727,718,250
<i>Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính</i>	10,063,160,000				10,063,160,000
Nợ thuê tài chính				-	
Cộng	238,960,019,104	24,500,236,847	50,094,477,148	(80,541,303,973)	233,013,429,126

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số có khả năng trả nợ	Số đầu năm	Số có khả năng trả nợ
	Giá trị		Giá trị	
Vay dài hạn ngân hàng	607,346,725,148		657,441,202,296	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	604,830,945,148		652,409,632,296	
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	2,515,780,000		5,031,570,000	
Cộng	607,346,725,148	-	657,441,202,296	

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

(i) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng vay	Mục đích vay/Hạn mức	Thời hạn	Tài sản đảm bảo
Hợp đồng 02.2019/HĐCV/VCB-HAIAN ngày 29/11/2019	đầu tư 2 xe nâng Kalmar, số tiền 12.663.000.000 VND	60 tháng	2 xe nâng Kalmar
Hợp đồng 01/2018/VCB-HAIAN ngày 15/10/2018	tài trợ cho việc thực hiện Dự án đầu tư tàu container Sinar Brani (Hải An Link)	60 tháng	tàu Hải An Link
Hợp đồng 012021/HĐCV/VCB-XDHA ngày 09/4/2021	mua tàu biển Hải An West, số tiền 84.378.240.000 VND	60 tháng	tàu Hải An West
Hợp đồng 02.2021/HĐCV/VCB-XDHA ngày 19/05/2021	đầu tư 2 xe nâng Kalmar, số tiền 9.604.886.250 VND	60 tháng	2 xe nâng Kalmar
Hợp đồng 01.2022/HĐCV/VCB-XDHA ngày 25/03/2022	đầu tư dự án tàu container Marine Bía (Hải An City), số tiền 341.950.000.000 VND	60 tháng	tàu Hải An City
Hợp đồng 02.2022/HĐCV/VCB-XDHA ngày 08/11/2022	đầu tư dự án tàu container A Kibo (Hải An Rose), số tiền 280.000.000.000 VND	60 tháng	tàu Hải An Rose
Hợp đồng 01.2023/HĐCV/VCB-XDHA ngày 12/12/2023	Đầu tư Dự án đóng mới tàu container thân tàu số HCY-265 (Hải An Alfa), số tiền 333.788.000.000 VND	96 tháng	tàu Hải An Alfa

Thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay lần đầu. Các khoản vay có lịch trả nợ gốc và lãi 03 tháng/lần sau thời gian ân hạn quy định trong hợp đồng tín dụng.

(ii) Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Hội sở chính theo Hợp đồng số 0056-2020-HDDTD1-BV007 ngày 17/07/2020 để mua sắm tàu container chở hàng đã qua sử dụng (IMO: 9470717) số tiền vay 47.800.000.000 VND, thời hạn 60 tháng, ngày đến hạn trả nợ là 17/07/2025, tài sản đảm bảo là phương tiện vận tải hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	189,790,878,250	179,218,191,102
Trên 1 năm đến 5 năm	491,119,075,148	530,647,402,296
Trên 5 năm	116,227,650,000	126,793,800,000
Cộng	<u>797,137,603,398</u>	<u>836,659,393,398</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	657,441,202,296	571,598,908,353
Số tiền vay phát sinh		316,984,500,000
Số tiền vay đã trả	-	
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(50,094,477,148)	(231,142,206,057)
CLTG do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ	-	-
Số cuối kỳ	<u>607,346,725,148</u>	<u>657,441,202,296</u>

18. Trái phiếu chuyển đổi:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>Giá trị</u>	<u>Giá trị</u>
Giá trị phát hành trái phiếu	500,000,000,000	-
Chi phí phát hành trái phiếu	(10,383,636,364)	-
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	346,121,212	-
Cộng	<u>489,962,484,848</u>	<u>-</u>

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm/kỳ</u>	<u>Số cuối năm/kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	51,189,743,813	-	(2,912,431,660)	48,277,312,153
Quỹ phúc lợi		-		-
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	34,066,244,434	-	(2,665,200,000)	31,401,044,434
Cộng	<u>85,255,988,247</u>	<u>-</u>	<u>(5,577,631,660)</u>	<u>79,678,356,587</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu**20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	703,446,670,000	191,640,648,159	-	352,405,070,809	674,702,801,117	1,922,195,190,085
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	104,639,083,200	104,639,083,200
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ trước	703,446,670,000	191,640,648,159	-	352,405,070,809	779,341,884,317	2,026,834,273,285
Số dư đầu năm nay	1,055,168,810,000	191,640,648,159	-	554,816,070,809	492,936,349,641	2,294,561,878,609
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	72,399,744,786	72,399,744,786
Trích quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	1,055,168,810,000	191,640,648,159	-	554,816,070,809	565,336,094,427	2,366,961,623,395
20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu						
		Số cuối kỳ		Số đầu năm		
Vốn góp của Chủ sở hữu		1,055,168,810,000		1,055,168,810,000		
Thặng dư vốn cổ phần		191,640,648,159		191,640,648,159		
Cộng		1,246,809,458,159		1,246,809,458,159		

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	105,516,881	105,516,881
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	105,516,881	105,516,881
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	105,516,881	105,516,881
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	1,659,656.13	528,620.77
Euro (EUR)	40.54	40.54

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Quý 1 năm nay</u>	<u>Quý 1 năm trước</u>
Doanh thu hoạt động khai thác tàu	168,780,816,798	211,028,915,180
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	94,851,618,526	65,114,595,706
Doanh thu hoạt động khác	14,368,000,625	18,961,262,805
Cộng	278,000,435,949	295,104,773,691

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con, công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết như sau

	<u>Quý 1 năm nay</u>	<u>Quý 1 năm trước</u>
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức	138,134,010	241,964,570
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	555,001,802	595,983,775

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 1 năm nay</u>	<u>Quý 1 năm trước</u>
Giá vốn của hoạt động khai thác tàu	119,790,036,359	104,463,281,012
Giá vốn của hoạt động khai thác cảng	56,874,206,465	35,269,112,244
Giá vốn của hoạt động khác	7,570,875,787	13,054,614,216
Cộng	184,235,118,611	152,787,007,472

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 1 năm nay</u>	<u>Quý 1 năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	333,686,027	141,367,123
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	162,843,094	27,326,438
Lãi tiền cho vay	799,085,789	316,000,000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3,273,905,419	638,394,482
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	841,159,249	951,657,478
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	451,271,376	
Cộng	<u>5,861,950,954</u>	<u>2,074,745,521</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Quý 1 năm nay</u>	<u>Quý 1 năm trước</u>
Chi phí lãi vay	9,703,311,235	10,731,295,113
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	(543,605,611)	288,517,019
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		744,149,761
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(1,625,198,703)	1,280,301,620
Cộng	<u>7,534,506,921</u>	<u>13,044,263,513</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 1 năm nay</u>	<u>Quý 1 năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	5,125,814,502	3,140,431,737
Chi phí vật liệu quản lý	121,819,757	103,025,055
Chi phí đồ dùng văn phòng	14,609,089	28,371,055
Chi phí khấu hao tài sản cố định	372,509,871	224,905,242
Thuế, phí và lệ phí	25,080,674	18,329,095
Chi phí dịch vụ mua ngoài	837,447,189	808,170,030
Các chi phí khác	2,668,772,039	1,918,697,421
Cộng	<u>9,166,053,121</u>	<u>6,241,929,635</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Quý 1 năm nay</u>	<u>Quý 1 năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2,930,376,756	1,264,787,339
Xử lý công nợ		20,013
Thu nhập khác	1,007,777	83,867,538
Cộng	<u>2,931,384,533</u>	<u>1,348,674,890</u>

7. Chi phí khác

	<u>Quý 1 năm nay</u>	<u>Quý 1 năm trước</u>
Chi phí khác	2	4,597,712
Cộng	<u>2</u>	<u>4,597,712</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Quý 1 năm nay</u>	<u>Quý 1 năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	31,277,953,439	27,872,173,572
Chi phí nhân công	22,842,085,495	17,206,308,232
Chi phí khấu hao tài sản cố định	48,070,089,608	38,955,949,478
Chi phí dịch vụ mua ngoài	60,307,576,260	41,376,525,987
Chi phí khác	30,903,466,930	33,617,979,838
Cộng	<u>193,401,171,732</u>	<u>159,028,937,107</u>

(*) Chi tiết chi phí khấu hao tài sản cố định như sau:

	<u>Quý 1 năm nay</u>	<u>Quý 1 năm trước</u>
Khấu hao TSCĐ do Công ty quản lý và sử dụng	62,824,924,870	51,126,529,511
Chi phí khấu hao hoạt động BCC phân chia cho các đơn vị	(24,029,510,306)	(19,476,773,058)
Chi phí khấu hao hoạt động BCC nhận phân bổ	9,274,675,044	7,306,193,025
Cộng	<u>48,070,089,608</u>	<u>38,955,949,478</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.6a và V.16a.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt***Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1,390,693,400	1,199,003,846
Tiền thưởng	2,883,469,747	2,615,581,120
Thù lao	510,000,000	450,000,000
Cộng	4,784,163,147	4,264,584,966

Kỳ này		Tiền lương	Tiền thưởng	Thù lao	Cộng
Ông Vũ Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT	378,950,000	773,329,966	60,000,000	1,212,279,966
Bà Trần Thị Hải Yến	Thành viên HĐQT		90,000,000	60,000,000	150,000,000
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	343,830,000	659,306,591	60,000,000	1,063,136,591
Ông Phạm Quang Khánh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	242,573,400	384,778,844	60,000,000	687,352,244
Ông Trần Tiến Dũng	Thành viên HĐQT		50,000,000	60,000,000	110,000,000
Ông Nguyễn Đức Kiên	Thành viên HĐQT độc lập		50,000,000	60,000,000	110,000,000
Ông Nguyễn Văn Trúc	Thành viên HĐQT		50,000,000	60,000,000	110,000,000
Bà Nguyễn Thị Vân	Thành viên HĐQT		51,000,000		51,000,000
Ông Trần Quang Tiến	Thành viên HĐQT		50,000,000		50,000,000
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng BKS	15,000,000	75,000,000	30,000,000	120,000,000
Bà Trần Thị Thơm	Thành viên BKS		37,000,000	30,000,000	67,000,000
Ông Bùi Việt Phương	Thành viên BKS		18,000,000	30,000,000	48,000,000
Ông Nguyễn Xuân Lộc	Thành viên BKS		18,000,000		18,000,000
Ông Vũ Doãn Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	231,450,000	325,595,935		557,045,935
Bà Trần Thị Thanh Hào	Kế toán trưởng	178,890,000	251,458,411		430,348,411
Cộng		1,390,693,400	2,883,469,747	510,000,000	4,784,163,147

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Kỳ trước					
Ông Vũ Ngọc Sơn	Chủ tịch HĐQT	503,693,846	918,369,017	60,000,000	1,482,062,863
Ông Vũ Thanh Hải	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	316,630,000	609,487,406	60,000,000	986,117,406
Bà Trần Thị Hải Yến	Thành viên HĐQT		90,000,000	60,000,000	150,000,000
Ông Nguyễn Ngọc Tuân	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc		200,000,000	60,000,000	260,000,000
Bà Nguyễn Thị Vân	Thành viên HĐQT		90,000,000	60,000,000	150,000,000
Ông Trần Quang Tiến	Thành viên HĐQT		90,000,000	60,000,000	150,000,000
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Trưởng BKS		55,000,000	30,000,000	85,000,000
Bà Trần Thị Thơm	Thành viên BKS		36,000,000	30,000,000	66,000,000
Ông Nguyễn Xuân Lộc	Thành viên BKS		36,000,000	30,000,000	66,000,000
Ông Vũ Doãn Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	230,220,000	276,270,609		506,490,609
Ông Trần Tiến Dững	Phó Tổng Giám đốc				
Bà Trần Thị Thanh Hào	Kế toán trưởng	148,460,000	214,454,088		362,914,088
Cộng		1,199,003,846	2,615,581,120	450,000,000	4,264,584,966

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Cảng Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Pan Hải An	Công ty con
Công ty TNHH liên doanh Zim Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Công ty con của Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	Công ty con của Công ty con
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần vận tải biển An Biên	Công ty liên kết của Công ty con Cổ đông lớn cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH "K" Line Logistic (Việt Nam) Ltd.	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần đầu tư Sao Á D.C	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần Cung ứng và Dịch vụ kỹ thuật hàng hải	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Quĩ TM Holding	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con, công ty liên kết trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con, công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Quý 1 năm nay	Quý 1 năm trước
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An		
Sử dụng dịch vụ khai thác cảng từ Công ty con		
Nhận vốn góp theo hợp đồng BCC từ Công ty con		
Chia lợi nhuận BCC cho Công ty con	475,368,545	1,879,972,129
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An		
Sử dụng dịch vụ khai thác cảng từ Công ty con		
Công ty Cổ phần Vận tải biển An Biên		
Góp vốn theo hợp đồng BCC vào Công ty liên kết		
Nhận vốn góp theo hợp đồng BCC từ Công ty liên kết		
Chia lợi nhuận BCC cho Công ty liên kết	207,936,244	382,788,434
Nhận lợi nhuận BCC từ Công ty liên kết	14,115,019,941	11,904,455,696
Vay bên liên quan		
Trả gốc vay bên liên quan		
Lãi vay phải trả bên liên quan		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà		
Chi phí cho thuê văn phòng và sử dụng dịch vụ của bên liên quan	624,471,881	648,018,602
Chia cổ tức cho bên liên quan		
Nhận vốn góp theo hợp đồng BCC		
Chia lợi nhuận BCC	1,497,960,346	10,496,547,811
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức		

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chia cổ tức cho bên liên quan		
Nhận vốn góp theo hợp đồng BCC		
Chia lợi nhuận BCC	479,912,173	7,379,205,654
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức tại Hải Phòng		
Sử dụng dịch vụ khai thác cảng		
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh-Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức		
Sử dụng dịch vụ khai thác cảng	32,727,276	32,727,273
Công ty TNHH "K" Line Logistics (Việt Nam)		
Công ty TNHH Quỹ TM Holding		
HATS trả cổ tức		
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải		
HATS trả cổ tức		
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C		
Chia lợi nhuận BCC	520,092,350	957,434,506

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.6, V.12 và V.16.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Hoạt động khai thác tàu.
- Lĩnh vực 2: Hoạt động khai thác cảng.
- Lĩnh vực 3: Hoạt động khác (gồm vận tải đường bộ, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản...).

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Hoạt động khai thác tàu</u>	<u>Hoạt động khai thác cảng</u>	<u>Các lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Kỳ này/Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	168,780,816,798	94,851,618,526	14,368,000,625	278,000,435,949
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>168,780,816,798</u>	<u>94,851,618,526</u>	<u>14,368,000,625</u>	<u>278,000,435,949</u>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	<u>48,990,780,439</u>	<u>37,977,412,061</u>	<u>6,797,124,838</u>	93,765,317,338
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				<u>(9,166,053,121)</u>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				84,599,264,217
Doanh thu hoạt động tài chính				5,861,950,954
Chi phí tài chính				(7,534,506,921)
Thu nhập khác				2,931,384,533

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí khác				(2)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(13,458,347,995)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				72,399,744,786
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1,429,929,125		1,429,929,125
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	55,136,704,071	6,731,645,502	956,575,297	62,824,924,870
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				
Kỳ/Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	211,028,915,180	65,114,595,706	18,961,262,805	295,104,773,691
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	211,028,915,180	65,114,595,706	18,961,262,805	295,104,773,691
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	106,565,634,168	29,845,483,462	5,906,648,589	142,317,766,219
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(6,241,929,635)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				136,075,836,584
Doanh thu hoạt động tài chính				2,074,745,521
Chi phí tài chính				(13,044,263,513)
Thu nhập khác				1,348,674,890
Chi phí khác				(4,597,712)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(21,811,312,570)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				104,639,083,200
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	70,746,025,631	15,187,462,223		85,933,487,854
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	51,012,195,473	6,054,074,670	1,384,377,075	58,450,647,218
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Hoạt động khai thác tàu</u>	<u>Hoạt động khai thác cảng</u>	<u>Các lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	3,171,346,776,375	252,290,009,887	30,424,428,254	3,454,061,214,516
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				1,224,477,867,311
Tổng tài sản				4,678,539,081,827
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2,158,179,547,779	22,013,658,731	34,507,485,424	2,214,700,691,934
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				96,876,766,498
Tổng nợ phải trả				2,311,577,458,432
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	3,142,069,109,987	218,922,628,295	156,440,654,936	3,517,432,393,218
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				689,099,286,387
Tổng tài sản				4,206,531,679,605
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1,622,454,608,368	33,356,751,530	81,240,464,284	1,737,051,824,182
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				174,917,976,814
Tổng nợ phải trả				1,911,969,800,996

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 26 tháng 04 năm 2024

Người lập biểu

Vũ Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hảo

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn